TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Minh Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triển

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1984 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp T, xã TP, huyện Châu Thành, An Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Công D, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp T, xã TP, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:**

-Về hôn nhân: chị và anh Huỳnh Công D kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn UBND xã TP, huyện Châu Thành, An Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc được vài năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D ăn chơi, nhậu nhẹt, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, anh D thường kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị, chị nhiều lần khuyên nhưng anh D vẫn không sửa đổi. Từ tháng 10/2017 vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu được ly hôn.

-Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Danh D, sinh ngày 31/7/2005 và Huỳnh Công D, sinh ngày 29/5/2009, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

-Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại tờ tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Công D trình bày:**

-Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian và điều kiện kết hôn, anh thừa nhận trước đây anh có những lỗi lầm đúng như chị B trình bày làm cho vợ chồng có những mâu thuẫn, gia đình rạn nứt, nay anh xin vợ cho cơ hội để sửa chữa sai lầm, hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Do anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: có 02 con chung đúng như chị B trình bày, sau khi ly hôn tùy ý con muốn sống với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

-Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: chị B gửi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh D có nơi cư trú tại xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị B và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 vào ngày 22/9/2006 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho chị B và anh D được đoàn tụ, nhưng chị B vẫn giữ yêu cầu ly hôn còn anh D thì không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ con, mong muốn được đoàn tụ.

Xét mối quan hệ tranh chấp trên, hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình chị B và anh D chung sống có những mâu thuẫn tuy không lớn nhưng cả hai không thể giải quyết được và bỏ mặc nhau nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng đã ly thân nhau trong 1 khoảng thời gian dài, anh D cho rằng vẫn còn tình cảm với chị B mong muốn đoàn tụ và anh cũng cố gắng sửa đổi bản thân để hàn

gắn tình cảm với chị B, còn chị B thì xác định không còn tình cảm với anh Danh và yêu cầu giải quyết ly hôn. Nhận thấy khả năng đoàn tụ của anh chị là không có do đó căn cứ vào qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình việc chị B yêu cầu ly hôn là có cơ sở nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về nuôi con chung:

Tại tờ ghi ý kiến ngày 06/3/2019: cả hai cháu Huỳnh Danh D và Huỳnh Công D đều có nguyện vọng sống chung với chị B sau khi chị B và anh D ly hôn. Chị B và anh D đều thống nhất theo nguyện vọng của 2 cháu. Nghĩ nên công nhận sự tự nguyện này giữa các bên đương sự. Đồng thời chị B phải tạo điều kiện cho anh D được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc trực tiếp nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh D đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị B và anh D được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Huỳnh Công D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47 ngày 22/9/2006 của Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị B được tiếp tục hai nuôi tên Huỳnh Danh D, sinh ngày 31/7/2005 và Huỳnh Công D, sinh ngày 29/5/2009. Anh Huỳnh Công D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không có yêu cầu.

Chị B phải tạo điều kiện cho anh D được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định.

3. Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014045 ngày 11/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị B và anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/3/2019).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án – TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cù Minh Sâm